

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2011/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (sau đây được viết tắt là Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung) như sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Phạm vi và đối tượng áp dụng của Thông tư này là phạm vi và đối tượng áp dụng quy định tại Điều 1 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, chủ đầu tư và nhà thầu nước ngoài. Đối tượng áp dụng theo quy định tại các điểm a và 1 khoản 2 Điều 1 Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bao gồm:

a) Công ty nhà nước hoạt động theo Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003 hiện nay tiếp tục hoạt động theo quy định tại Điều 166 của Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh đã thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 1999 hiện nay tiếp tục hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

c) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm:

- Doanh nghiệp liên doanh;
- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài;
- Công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP ngày 15/4/2003 của Chính phủ về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần;
- Dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được cấp Giấy phép đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Hội, hiệp hội doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, bao gồm:

a) Hội doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

b) Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 8/1998/NĐ-CP ngày 22/01/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

Chương II **TUYỂN DỤNG VÀ QUẢN LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI** **LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM**

Điều 2. Tuyển dụng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hình thức hợp đồng lao động

1. Phiếu đăng ký dự tuyển lao động của người nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung thực hiện theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chứng nhận về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao của người nước ngoài theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã

được sửa đổi, bổ sung là văn bản chứng nhận về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao của người nước ngoài, bao gồm: bằng hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học phù hợp với vị trí công việc mà người nước ngoài dự kiến sẽ đảm nhận.

Đối với một số nghề, công việc thì việc chứng nhận về trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao của người nước ngoài thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

3. Người sử dụng lao động thông báo nhu cầu tuyển lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

a) Trước khi tuyển người nước ngoài ít nhất 30 (ba mươi) ngày, người sử dụng lao động phải thông báo nhu cầu tuyển lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người nước ngoài trên ít nhất 01 (một) số báo Trung ương và ít nhất 01 (một) số báo địa phương bằng một trong các hình thức là báo viết, báo nói, báo hình hoặc báo điện tử về các nội dung: số lượng người cần tuyển, vị trí công việc, trình độ chuyên môn, mức lương và các khoản thu nhập khác, điều kiện làm việc và một số nội dung khác nếu người sử dụng lao động yêu cầu.

Trường hợp người sử dụng lao động đã thông báo ít nhất 02 (hai) số báo Trung ương và 02 (hai) số báo địa phương về việc tuyển lao động Việt Nam theo quy định mà không tuyển được thì trong thời hạn 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ lần thông báo cuối cùng, người sử dụng lao động được tuyển người nước ngoài và không phải thông báo nhu cầu tuyển lao động trên báo Trung ương và báo địa phương;

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động đối với người nước ngoài được tuyển dụng theo hình thức hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và đối với người nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung thì phải kèm theo văn bản để chứng minh việc người sử dụng lao động đã thông báo nhu cầu tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

4. Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Các giấy tờ quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung mà bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt Nam, công chứng hoặc chứng thực. Việc hợp pháp hóa lãnh sự các giấy tờ của nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Sau khi người nước ngoài được cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động và người nước ngoài phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động. Trong thời hạn 05 (năm) ngày tính theo ngày làm việc kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động người sử dụng lao động có trách nhiệm gửi bản sao hợp đồng lao động đã giao kết và bản chụp giấy phép lao động đã được cấp tới cơ quan đã cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài đó. Nội dung trong hợp đồng lao động không được trái với nội dung ghi trong giấy phép lao động đã được cấp.

Điều 3. Người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các gói thầu hoặc dự án của nhà thầu nước ngoài đã trúng thầu tại Việt Nam

1. Phương án sử dụng lao động trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 6a của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, thực hiện theo mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nhà thầu nước ngoài báo cáo và đề nghị bằng văn bản với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại khoản 3 Điều 6a của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trước khi nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu hoặc dự án đã trúng thầu thì nhà thầu nước ngoài có trách nhiệm báo cáo và đề nghị bằng văn bản với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu hoặc dự án đã trúng thầu về việc tuyển lao động Việt Nam có xác nhận của chủ đầu tư về phương án sử dụng lao động đã được kê khai trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thực hiện theo mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung số lao động đã xác định trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thì phải báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương, nơi nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu hoặc dự án đã trúng thầu về phương án điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng lao động và có xác nhận của chủ đầu tư theo mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giới thiệu, cung ứng lao động Việt Nam theo đề nghị của nhà thầu nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 6a của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhận được văn bản đề nghị tuyển từ 500 (năm trăm) lao động Việt Nam trở lên và 30 (ba mươi) ngày đối với đề nghị tuyển dưới 500 (năm trăm) lao động Việt Nam mà không giới thiệu hoặc cung ứng lao động Việt Nam được cho nhà thầu nước ngoài theo đề nghị nêu trên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định việc cho phép nhà thầu nước ngoài được tuyển người nước ngoài vào các vị trí công

việc không tuyển được lao động Việt Nam bao gồm: vị trí công việc, số lượng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, thời hạn thực hiện công việc.

4. Đối với các nhà thầu nước ngoài đang thực hiện các dự án hoặc gói thầu đã trúng thầu trước thời điểm Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ có hiệu lực (01/8/2011) thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, nhà thầu nước ngoài phải báo cáo thực trạng về lao động Việt Nam và người nước ngoài đang làm việc tại các gói thầu hoặc dự án trúng thầu bao gồm: số lượng, quốc tịch, trình độ, vị trí công việc, số người đã được cấp giấy phép lao động, số người không thuộc đối tượng cấp giấy phép lao động và số người chưa thực hiện cấp giấy phép lao động, nêu rõ lý do và biện pháp khắc phục; báo cáo kế hoạch sử dụng người nước ngoài và lao động Việt Nam đến khi kết thúc dự án hoặc gói thầu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện gói thầu hoặc dự án đã trúng thầu, trong đó nêu rõ nhu cầu đề nghị tuyển lao động Việt Nam để thay thế người nước ngoài đang làm việc và vị trí dự kiến tuyển người nước ngoài. Trường hợp không giới thiệu hoặc cung ứng lao động Việt Nam được cho nhà thầu nước ngoài thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định việc cho phép nhà thầu nước ngoài được sử dụng người nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được lao động Việt Nam.

Điều 4. Người nước ngoài vào Việt Nam làm việc để chào bán dịch vụ

Người nước ngoài vào Việt Nam làm việc để chào bán dịch vụ theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Trước ít nhất 07 (bảy) ngày tính theo ngày làm việc khi người nước ngoài đến chào bán dịch vụ phải thông báo bằng văn bản thông qua các hình thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện, fax với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi người nước ngoài dự kiến đến chào bán dịch vụ với nội dung: họ tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc, công việc cụ thể của người nước ngoài theo mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam không phải có giấy phép lao động

1. Thời hạn dưới 03 (ba) tháng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện như sau:

Thời hạn dưới 03 (ba) tháng được xác định là thời gian liên tục kể từ ngày người nước ngoài bắt đầu nhập cảnh vào Việt Nam để làm việc cho người sử dụng lao động, đối tác phía Việt Nam hoặc đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài đến ngày đó của tháng thứ ba trừ đi một ngày.